TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 127/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 09/12/2021
V/v: Tranh chấp Ly hôn và nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Hữu Thư ; bà Triệu Thị Tình

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trịnh Minh Chữ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C*: Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2021,về tranh chấp *" Ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐ XXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021 ngày 18/11/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Q – Sinh năm: 1995.
Trú tại: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.
Bị đơn: Anh Quách Văn H - Sinh năm: 1988.
Trú tại: Thôn B, xã C, huyện C,tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.
Có mặt bà: Trương Thị Ngh (mẹ đẻ anh H)
Trú tại: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn,bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Q trình bày: Chị và anh Quách Văn H kết hôn với nhau ngày 20/11/2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H rượu chè bê tha và hay chơi lô,chơi đề bài bạc và đánh đập chị. Chị đã trao đổi nghiêm túc với anh H nhiều lần, nhưng anh H vẫn không thay đổi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Quách Minh Kh sinh ngày 28/6/2015. Chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Quách Văn H trong bản tự khai, hòa giải trình bày: Anh và chị Q kết hôn với nhau ngày 20/11/2014. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị Q có biểu hiên không chung thủy. Nay chị Q làm đơn xin ly hôn, anh không nhất trí vì thực tế vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức phải ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Quách Minh Kh sinh ngày 28/6/2015. Nếu chị Q kiên quyết ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu Khang đến tuổi thành niên, chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh là 1.000.000đ/01 tháng.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trương Thị Ngh (mẹ đẻ của anh H) trình bày: Anh Quách Văn H là con trai của bà, năm 2014 anh H kết hôn với chị Q, đến năm 2015 chị Q sinh con, con được 11 tháng thì để ở nhà cho bà chăm sóc, vợ chồng chị Q lại đi Bắc Ninh làm ăn. Hàng tháng anh chị đều gửi tiền về để bà mua đường sữa và thức ăn cho cháu. Đến đầu năm 2021,vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân cụ thể thế nào bà không biết, gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Nay anh chị ly hôn bà chỉ có nguyện vọng đề nghị chị Q suy nghĩ để anh H và ông bà nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Kh vì cháu bị bệnh hẹp hậu môn bẩm sinh, mỗi lần đại tiểu tiện phải có người hỗ trợ, anh H và ông bà đã quen với việc chăm sóc cháu, sau này cháu lớn cháu có nguyện vọng ở với ai là tùy cháu.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C: Chị Phạm Thị Q và anh Quách Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Mâu thuẫn vợ chồng thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì anh chị không báo cáo chính quyền, cháu Quách Minh Kh hiện đang ở với ông bà nội tại thôn Bèo Bọt, xã C, huyện C và đang học tại trường Tiểu học xã C.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị : xử cho chị Q được ly hôn anh H; Về con chung: Giao cháu Quách Minh Kh cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị Q cấp dưỡng nuôi con chung với anh H là 1.000.000đ/01tháng; Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: chị Q phải chịu án phí ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phạm Thị Q làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Quách Văn H có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Bèo Bọt, xã C, huyện C, Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2].Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3].Về thủ tục xét xử vắng mặt: anh Quách Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vì lý do anh đang ở vùng có dịch COVID-19 không về được, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị Phạm Thị Q và anh Quách Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị Q và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Q là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51; Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Quách Minh Kh – 28/6/2015. Chị Q và anh H đều có nguyện vọng nuôi con và đều có nghề nghiệp, có thu nhập đủ điều kiện nuôi con, nhưng xét cháu Khang đã ở với bố và ông bà nội từ nhỏ, cháu lại bị bệnh về hậu môn cần sự chăm sóc của người thân. Chị Q đi làm ở Công ty ở Bắc Ninh, chưa có nhà riêng. Do vậy, để ổn định về tâm lý và điều kiện học tập và chăm sóc sức khỏe cho cháu Khang nên giao cháu cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị Q cấp dưỡng nuôi con chung với anh H một tháng là 1.000.000đ/01 tháng.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng

dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Q. Xử cho chị Phạm Thị Q được ly hôn anh Quách Văn H .

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 01con chung cháu Quách Minh Kh – sinh ngày 28/6/2015.Giao cháu Kh cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên,chị Q cấp dưỡng nuôi con chung với anh H là 1.000.000đ/01 tháng.Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2022 trở đi theo định kỳ hàng tháng.

Chị Q có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Phạm Thị Q phải chịu 300.000đ án phí về ly hôn và 300.000 đ án phí về cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số A A/2021/ 0010230 ngày 04/5/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị Q còn phải nộp 300.000đ án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: chị Phạm Thị Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Quách Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án DS huyện C;
- UBND xã C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Thanh